

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ – LUẬT**

NGUYỄN ANH TUẤN

**CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI HOẠT ĐỘNG
TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA DOANH NGHIỆP
TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

TP. Hồ Chí Minh năm 2021

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ – LUẬT

NGUYỄN ANH TUẤN

**CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI HOẠT ĐỘNG
TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA DOANH NGHIỆP
TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI**

Chuyên ngành: Kinh tế học
Mã số chuyên ngành: 62310101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
NGƯỜI HƯỚNG DẪN 1: PGS.TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG
NGƯỜI HƯỚNG DẪN 2: PGS.TS TRẦN NGUYỄN NGỌC ANH THU'

Phản biện độc lập 1: PGS.TS Nguyễn Ngọc Vinh

Phản biện độc lập 2: TS Phạm Hồng Mạnh

TP. Hồ Chí Minh năm 2021

MỤC LỤC

Phần mở đầu.....	1
1. Tính cấp thiết của luận án	1
2. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu.....	1
2.1. Mục tiêu nghiên cứu.....	1
2.2. Câu hỏi nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	2
3.2. Phạm vi nghiên cứu:.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu và nguồn số liệu.....	2
4.1. Phương pháp nghiên cứu.....	2
4.2. Nguồn dữ liệu.....	3
5. Điểm mới của luận án.....	3
6. Cấu trúc của luận án	3
Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về tăng trưởng xanh tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp.....	4
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu quốc tế.....	4
1.1.1. Tiếp cận từ góc độ vĩ mô.....	4
1.1.2. Tiếp cận từ góc độ vi mô doanh nghiệp.....	4
1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước	4
1.2.1. Tiếp cận từ góc độ vĩ mô.....	4
1.2.2. Tiếp cận từ góc độ vi mô doanh nghiệp.....	5
1.3. Khái quát chung về những vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài và khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu	5
1.3.1. Những vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	5
1.3.2. Khoảng trống nghiên cứu	5
Chương 2. Cơ sở lý thuyết về tăng trưởng xanh tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp.....	7
2.1. Tăng trưởng xanh tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp.....	7
2.2. Các yếu tố tác động tới việc triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp.....	7
2.3. Bài học kinh nghiệm về thúc đẩy TTX ở góc độ doanh nghiệp	7
2.3.1. Đối với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước	7
2.3.2. Đối với các doanh nghiệp	8
CHƯƠNG 3. Phương pháp nghiên cứu	9
3.1. Quy trình, phương pháp nghiên cứu	9
3.2. Số lượng mẫu và phương pháp lấy mẫu.....	9
3.3. Mô hình, thang đo các yếu tố và giả thuyết nghiên cứu	9
3.3.1. Thang đo về mức độ nhận thức của doanh nghiệp.....	9
3.3.2. Thang đo về triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp	9
3.3.3. Thang đo về các yếu tố tác động tới việc triển khai hoạt động TTX của doanh nghiệp	10
CHƯƠNG 4: Thực trạng triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018	11
4.1. Quá trình hình thành và phát triển các KCN và doanh nghiệp trong KCN tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018.....	11
4.1.1 Sự hình thành và phát triển các KCN tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018.....	11
4.1.2. Khái quát sự phát triển các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018	11

4.2. Chính sách của Chính phủ và các hoạt động hỗ trợ của Ban Quản lý khu công nghiệp trong thúc đẩy hoạt động tăng trưởng xanh ở góc độ doanh nghiệp.....	12
4.2.1. Chính sách của Chính phủ	12
4.2.2. Hoạt động hỗ trợ tăng trưởng xanh của Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai.....	12
4.3. Thực trạng triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018	12
4.3.1. Một số điển hình trong triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018	12
4.3.2. Thực trạng về nhận thức vai trò của tăng trưởng xanh và thực tiễn triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018 thông qua khảo sát.....	12
4.4. Đánh giá việc triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Đồng Nai giai đoạn 2010-2018	14
4.4.1. Kết quả đạt được.....	14
4.4.2. Những hạn chế.....	15
<i>CHƯƠNG 5: Yếu tố tác động tới việc triển khai hoạt động tăng trưởng xanh tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018</i>	17
5.1. Thống kê mẫu khảo sát	17
5.2. Phân tích nhân tố	17
5.2.1. Kiểm tra độ tin cậy của yếu tố (Cronbach's Alpha)	17
5.2.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA	18
5.2.3. Xác nhận các yếu tố và điều chỉnh các giả thuyết	18
5.3. Mô hình các yếu tố tác động tới triển khai hoạt động tăng trưởng xanh tại doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.....	18
5.4. Thảo luận kết quả nghiên cứu	19
5.5. Nguyên nhân dẫn đến những kết quả đạt được và hạn chế về triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018	20
5.5.1. Nguyên nhân dẫn đến những kết quả đạt được.....	20
5.5.2 Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế	20
<i>CHƯƠNG 6: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH CHO CÁC DOANH NGHIỆP TẠI KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI.....</i>	22
6.1. Quan điểm, định hướng và mục tiêu thúc đẩy triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai	22
6.1.1. Quan điểm	22
6.1.2. Định hướng.....	22
6.1.3 Mục tiêu.....	22
6.2. Giải pháp thúc đẩy hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.....	23
6.2.1. Nhóm giải pháp về thay đổi nhận thức của doanh nghiệp về tăng trưởng.....	23
6.2.2. Nhóm giải pháp tăng cường hiệu quả, khắc phục hạn chế trong quản lý nhà nước về môi trường	23
6.2.3. Nhóm giải pháp tăng cường nhận thức và tạo sức ép của các bên hữu quan đối với việc triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp.....	23
6.2.4. Nhóm giải pháp hỗ trợ các hạn chế về tài chính, công nghệ hay nhân lực cho doanh nghiệp hướng phục vụ tăng trưởng xanh.....	23
6.2.5. Nhóm giải pháp liên quan đến hình thành các khu công nghiệp sinh thái	23
<i>Kết luận</i>	24
<i>Các công trình công bố liên quan đến luận án</i>	25

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận án

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng là vấn đề quan trọng đối với các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. Bởi mô hình hiện tại thiếu sự phát triển bền vững và tác động tiêu cực tới môi trường (Carson, 1962; OECD, 2011d). Để cụ thể hóa, các quốc gia thường ban hành chiến lược tăng trưởng xanh theo từng giai đoạn như ở Đức, Hàn Quốc, Trung Quốc ... nhằm hướng tới một nền kinh tế có hiệu quả cao, nhưng lại ít gây tác động tiêu cực tới môi trường. Chiến lược này đã có tác động tới các đối tượng trong nền kinh tế, từ người tiêu dùng, doanh nghiệp đến các bên hữu quan. Doanh nghiệp với vị trí, vai trò năng động và là động lực phát triển kinh tế của đất nước, cũng sẽ phải chuyển mình theo xu hướng này bởi nhiều nguyên nhân: (1) mô hình tăng trưởng như hiện tại đã gây nhiều sức ép lên môi trường; (2) sức ép từ chính sách của Chính phủ cũng như hành vi của người tiêu dùng theo hướng “xanh” hơn; (3) bản thân các doanh nghiệp cũng cần phải thể hiện trách nhiệm đối với xã hội cũng như tạo dựng hình ảnh thân thiện của mình với môi trường, gần gũi với khách hàng hơn, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh trong nền kinh tế (Hallegatte et al, 2011)... Việc thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở góc độ doanh nghiệp không phải là ngay lập tức mà nó cần được thực hiện từng bước thông qua các “hoạt động tăng trưởng xanh” cụ thể, với sự phối hợp, tham gia của các đối tượng trong doanh nghiệp nhằm một mặt tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực, nhưng cũng đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Các hoạt động này thường được tiếp cận theo 2 góc độ phổ biến hiện nay: (1) sản xuất bền vững: quá trình tạo ra sản phẩm dựa trên quy trình từ đầu vào đến đầu ra không gây ô nhiễm và (2) cải tiến sinh thái: thực thi nội dung mới, hoặc cải thiện sản phẩm một cách có chủ đích hoặc không có chủ đích nhằm hướng tới cải thiện môi trường.

Đồng Nai là một tỉnh phát triển theo hướng công nghiệp với tỷ trọng công nghiệp luôn ở mức cao (trên 50% GDP). Cho đến thời điểm 2015, Đồng Nai đã được Chính phủ phê duyệt phát triển 36 khu công nghiệp trong đó 32 khu được thành lập và 28 khu có dự án đi vào hoạt động. Đến năm 2017, Đồng Nai đã có 32 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích đất là 10.242,59 ha, trong đó đã cho thuê được 4.949,56 ha, đạt tỷ lệ 71% diện tích đất dành cho thuê (6.946,46 ha). Đây cũng chính là động lực để thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư, đóng góp cho phát triển kinh tế của Tỉnh. Tuy nhiên, đi kèm với những đóng góp quan trọng về mặt kinh tế, thì trên địa bàn Tỉnh lại gia tăng nhanh chóng về tình trạng ô nhiễm môi trường được thực hiện bởi nhiều doanh nghiệp trên địa bàn các khu công nghiệp. Như vậy, phải chăng đang có sự mâu thuẫn trong triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp của Đồng Nai với chủ trương, chính sách của Chính phủ? Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tại Đồng Nai phản ứng bằng các hoạt động cụ thể nào trước sức ép từ phía Chính phủ cũng như các bên hữu quan trong xu hướng đòi hỏi có sự phát triển bền vững hiện nay? Việc triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh ở góc độ doanh nghiệp trong khu công nghiệp Đồng Nai chịu tác động bởi các yếu tố nào? Đây là những yếu tố chủ chốt để định hướng doanh nghiệp triển khai các hoạt động này? Trước các câu hỏi trên, tác giả quyết định chọn đề tài: ***“Các yếu tố tác động tới hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai”***.

2. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

2.1.1. Mục tiêu nghiên cứu chung

Mục tiêu chính của nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trên địa bàn khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, tìm hiểu các nguyên nhân để từ đó đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động TTX của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Đồng Nai trong thời gian tiếp theo.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Thứ nhất, phân tích, đánh giá thực trạng triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trên địa bàn các khu công nghiệp của tỉnh Đồng Nai.

Thứ hai, giải thích nguyên nhân dẫn đến thực trạng triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (thông qua việc xây dựng mô hình các yếu tố tác động tới triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp).

Thứ ba, đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong các giai đoạn tiếp theo.

2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, mức độ triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của các doanh nghiệp tại khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang diễn ra như thế nào? So với cách tiếp cận về cải tiến sinh thái hay sản xuất bền vững, thực trạng triển khai này ở mức độ như thế nào?

Thứ hai, các yếu tố chính tác động đến triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trên địa bàn khu công nghiệp Đồng Nai là gì? Ngoài các yếu tố thuộc về đặc thù doanh nghiệp, các bên hữu quan có gây sức ép đủ lớn để doanh nghiệp phải triển khai các hoạt động TTX hay không?

Thứ ba, để thúc đẩy hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trên địa bàn khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, cần chú trọng vào các yếu tố nào, giải pháp là gì?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu các hoạt động tăng trưởng xanh mà doanh nghiệp trên địa bàn các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai đã triển khai trong giai đoạn 2010-2018. Nghiên cứu cũng đánh giá thực trạng và tìm hiểu các yếu tố tác động tới việc triển khai các hoạt động này tại doanh nghiệp.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi về thời gian: nghiên cứu này phân tích hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai từ năm 2010 đến 2018. Thời gian khảo sát các doanh nghiệp từ 11/2017-5/2018.

Phạm vi về không gian: nghiên cứu này tập trung vào các doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi các khu công nghiệp của tỉnh Đồng Nai đến năm 2018. Theo đó, đến năm 2018, đã có 32 khu công nghiệp đang xây dựng và đi vào hoạt động phân bố trên địa bàn các huyện, thành phố: thành phố Biên Hoà, Huyện Long Khánh; Huyện Cẩm Mỹ; Huyện Định Quán; Huyện Long Thành; Huyện Nhơn Trạch; Huyện Tân Phú; Huyện Thống Nhất; Huyện Trảng Bom; Huyện Vĩnh Cửu; Huyện Xuân Lộc.

Phạm vi về nội dung: mặc dù cách tiếp cận về TTX của doanh nghiệp được tiếp cận từ 2 góc độ: định tính và định lượng. Các tiếp cận định lượng phản ánh kết quả từ việc triển khai TTX của doanh nghiệp (số bằng phát minh, sáng chế, tỷ lệ nguyên liệu được thay thế, số lượng lao động được đào tạo về kỹ năng liên quan đến tăng trưởng xanh...), tuy nhiên việc tiếp cận số liệu này trong bối cảnh hiện nay còn rất khó khăn. Chính vì vậy, nghiên cứu sử dụng dữ liệu định tính, phản ánh việc triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp trong các KCN tỉnh Đồng Nai theo 3 cấp độ: đã triển khai, đang xem xét triển khai, hay chưa triển khai. Năm nhóm hoạt động TTX được tác giả kế thừa và khái quát bao gồm: (1) lồng ghép TTX trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp; (2) xanh hóa trong sản xuất; (3) sử dụng hiệu quả nguồn nước và năng lượng; (4) đầu tư vào nguồn nhân lực và cơ cấu tổ chức; (5) đầu tư nghiên cứu sản xuất các sản phẩm hoặc dịch vụ mới thân thiện với môi trường và các hoạt động marketing xanh hướng đến thay đổi thói quen người tiêu dùng.

Về các yếu tố tác động tới triển khai hoạt động TTX của doanh nghiệp, tác giả tiếp cận theo góc độ sức ép của các bên hữu quan (bên trong và bên ngoài) cùng với những đặc thù của doanh nghiệp liên quan đến quy mô vốn, mức độ hội nhập quốc tế hay lĩnh vực hoạt động. Còn một số yếu tố khác tác động tới việc triển khai hoạt động TTX, tuy nhiên khó đo lường (như đặc điểm về công nghệ của doanh nghiệp), nên tác giả chưa đưa vào trong nghiên cứu này.

4. Phương pháp nghiên cứu và nguồn số liệu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm thực hiện các mục tiêu trong luận án, tác giả thực hiện phương pháp hỗn hợp, phối hợp các phương pháp khác nhau. Phương pháp hỗn hợp nhằm thu thập cả 2 loại dữ liệu (định tính và định lượng), qua đó giúp thống kê và phân nhóm theo chủ đề. Việc phối hợp 2 phương pháp này giúp làm rõ và hiểu hơn hiện tượng nghiên cứu. Nghiên cứu áp dụng thiết kế khám phá tiếp nối nhằm khám phá, giải thích nguyên nhân dẫn đến thành công, hạn chế trong triển khai hoạt động TTX tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai. Trong giai đoạn đầu tiên, dữ liệu định tính được thu thập thông qua nhiều phương pháp khác nhau: phỏng vấn chuyên gia, điều tra xã hội học. Sau đó các dữ liệu được thu thập để xây dựng mô hình định lượng nhằm lý giải rõ hơn các yếu tố tác động mức độ triển khai hoạt động TTX tại doanh nghiệp trong KCN tỉnh Đồng Nai. Các phương pháp cụ thể được sử dụng trong luận án bao gồm: nghiên cứu tại bàn; tổng hợp, so sánh; phỏng vấn chuyên gia; phương pháp điển hình; điều tra xã hội học và mô hình hồi quy tuyến tính đa biến.

4.2. Nguồn dữ liệu

Dữ liệu sơ cấp được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, trên cơ sở báo cáo của Ban Quản lý khu công nghiệp, Tổng cục thống kê Đồng Nai, và một số dữ liệu trên các website.

Nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập thông qua khảo sát doanh nghiệp về những nội dung triển khai hoạt động hướng đến TTX của doanh nghiệp, nhận định của doanh nghiệp về những vấn đề các yếu tố tác động buộc doanh nghiệp phải thay đổi hành vi sản xuất cũng như những khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải khi thực hiện sự chuyển đổi này. Dữ liệu này được tác giả khảo sát các doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2018. Thời gian khảo sát từ tháng 11/2017 đến 5/2018.

5. Điểm mới của luận án

Về mặt lý luận

Thứ nhất, nghiên cứu sẽ tổng hợp cơ sở lý thuyết liên quan đến hoạt động tăng trưởng xanh trong doanh nghiệp dựa trên 2 cách tiếp cận là sản xuất bền vững và cải tiến sinh thái.

Thứ hai, thông qua khảo sát, tổng hợp cơ sở dữ liệu từ các nguồn khác nhau, nghiên cứu này chỉ ra bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố tác động tới hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp.

Theo tác giả, việc triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp chịu các tác động chủ yếu: (1) đặc thù của doanh nghiệp như yếu tố về vốn, hội nhập quốc tế hay lĩnh vực hoạt động; (2) sức ép từ phía các bên hữu quan, bao gồm các yếu tố hữu quan bên trong và bên ngoài. Do vậy, nghiên cứu này sẽ chỉ ra luận chứng khoa học về việc có sự tác động từ yếu tố hữu quan đến triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp, hướng đến một nền kinh tế phát triển bền vững hơn.

Về mặt thực tiễn

Thứ nhất, nghiên cứu đề xuất hệ tiêu chí để đánh giá triển khai TTX của các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN tỉnh Đồng Nai dựa trên cách tiếp cận về sản xuất bền vững và cải tiến sinh thái. Đây sẽ là cơ sở để Ban Quản lý khu công nghiệp tham khảo qua đó đánh giá thực trạng hoạt động phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Thứ hai, nghiên cứu trên cơ sở đánh giá thực trạng triển khai hoạt động TTX của doanh nghiệp, phân tích nguyên nhân từ đó đề xuất các giải pháp để thúc đẩy các doanh nghiệp triển khai hoạt động TTX trên địa bàn các KCN tỉnh Đồng Nai. Những giải pháp này được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, gắn liền với thực trạng phân tích hoạt động của doanh nghiệp tại KCN, do vậy có tính khả thi, áp dụng được trên địa bàn KCN Đồng Nai nói riêng, hay các KCN nói chung.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nghiên cứu được bố cục thành các nội dung cụ thể như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở lý thuyết về tăng trưởng xanh tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp.

Chương 3: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 4: Thực trạng triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Chương 5: Yếu tố tác động tới hoạt động tăng trưởng xanh tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Chương 6: Định hướng và giải pháp thúc đẩy hoạt động tăng trưởng xanh cho các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai..

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu quốc tế

1.1.1. Tiếp cận từ góc độ vĩ mô

Tăng trưởng xanh là sự kết hợp giữa việc sử dụng các yếu tố đầu vào một cách hiệu quả kèm theo hạn chế tác động tới môi trường. Tăng trưởng xanh là cả một quá trình, với sự tham gia đóng góp của tất cả các đối tượng trong nền kinh tế, từ người tiêu dùng, nhà sản xuất, Chính phủ và các bên hữu quan. Tuy nhiên, việc thực hiện lại không phải đơn giản, bởi có nhiều rào cản khi thực hiện, có thể kể đến các yếu tố: (1) thể chế; (2) công nghệ; (3) cải tiến; (4) nguồn nhân lực; (5) tài chính...

1.1.2. Tiếp cận từ góc độ vi mô doanh nghiệp

1.1.2.1. Các nghiên cứu tiếp cận về các hoạt động và tiêu chí hướng đến tăng trưởng xanh của doanh nghiệp

Có nhiều hình thức phân loại hoạt động tăng trưởng xanh: từ góc độ sản xuất bền vững, liên quan đến các cải tiến và về nguồn lực doanh nghiệp; về cấp độ tác động tới môi trường, về hình thức cải tiến, hoạt động vi mô... Theo tác giả, hoạt động tăng trưởng xanh tiếp cận từ góc độ nào đi chăng nữa thì nó cũng hàm ý rằng đó là những việc doanh nghiệp áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nhưng đồng thời giảm thiểu việc sử dụng nguyên liệu thô, các nguồn lực trong sản xuất (điện, nước...) đồng thời giảm việc tác động đến môi trường. Các hoạt động này có thể tiếp cận từ góc độ vi mô, từ việc rất nhỏ trong doanh nghiệp như tiết kiệm điện, giấy in... cho đến phạm vi tác động lớn trong thay đổi quy trình, phương thức sản xuất, hoặc tác động lớn hơn ở tầm thể chế và thay đổi nhận thức, hành vi của các đối tượng liên quan.

1.1.2.2. Các nghiên cứu tiếp cận từ vai trò và những rào cản trong việc ứng dụng tăng trưởng xanh vào hoạt động của doanh nghiệp

Hoạt động tăng trưởng xanh bao hàm việc tiến hành thực hiện các cải tiến từ nhỏ (ở góc độ doanh nghiệp từ tiết kiệm điện, nước...) cho đến các phạm vi tác động lớn hơn ở cấp xã hội hay thể chế (đầu tư vào các chương trình marketing, tạo ra chuỗi giá trị xanh). Những hoạt động này ngày càng được quan tâm từ phía doanh nghiệp, bởi một phần nó tạo ra danh tiếng, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, hơn nữa nó cũng đã chứng minh tính hiệu quả khi đã góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận. Về cơ bản, hoạt động TTX sẽ góp phần nâng cao hiệu suất, hạn chế tác động tiêu cực tới môi trường, thể hiện trách nhiệm với các đối tượng liên quan, qua đó giúp nâng cao giá trị thương hiệu, danh tiếng của doanh nghiệp, đồng thời giúp doanh nghiệp tăng nâng cao lợi nhuận. Tuy nhiên, việc triển khai cũng gặp nhiều khó khăn, xuất phát từ phía đặc thù các doanh nghiệp: công nghệ, tài chính, chất lượng lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, kỹ năng quản lý.

1.1.2.3. Các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ các yếu tố tác động tới hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp

Triển khai các hoạt động TTX, bên cạnh các yếu tố bên ngoài bao gồm sức ép của các bên hữu quan, cũng sẽ có những yếu tố bên trong, bao gồm nhận thức từ phía chủ doanh nghiệp, sự tham gia của người lao động, cho đến việc đánh giá các yếu tố nguồn lực (lao động, công nghệ). Ngoài ra, các yếu tố kiểm soát cần phải kể đến đó là loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực hoạt động và quy mô hoạt động cũng như khả năng tham gia vào chuỗi toàn cầu (thông qua năng lực xuất nhập khẩu).

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

1.2.1. Tiếp cận từ góc độ vĩ mô

Nhiều nhà khoa học đã thống nhất việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Việt Nam hiện nay là vấn đề cấp thiết, bởi vì rất nhiều những hạn chế trong quá trình tăng trưởng nhanh nhưng thiếu bền vững trong thời gian qua. Tăng trưởng xanh là bước chuyển tiếp quan trọng với mục tiêu giảm tác động tiêu cực tới môi trường bằng việc ứng dụng công nghệ hiện đại, gắn với đổi mới về sinh thái hướng tới chất lượng tăng trưởng, hao tổn ít năng lượng. Đây là xu hướng tất yếu mà không chỉ Việt Nam mà các nước trong khu vực đang thực hiện. Thái Lan, Malaysia, Philippin, Indonesia... đang tiến hành đổi mới và mô hình của họ cũng đã tạo ra nhiều bài học kinh nghiệm cho quá trình tăng trưởng cho Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

1.2.2. Tiếp cận từ góc độ vi mô doanh nghiệp

1.2.2.1. Các nghiên cứu tiếp cận về tiêu chí đánh giá tăng trưởng xanh của doanh nghiệp

Các nhà khoa học và tổ chức, cũng như các địa phương cũng có nhiều nỗ lực nhằm đưa ra hệ tiêu chí đánh giá triển khai TTX của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hệ thống này hoặc quá nhiều, hoặc chỉ mang tính bắt buộc về pháp lý, chưa đi sâu về hiệu quả của các hoạt động tới doanh nghiệp.

1.2.2.2. Các nghiên cứu tiếp cận về hoạt động hướng đến tăng trưởng xanh ở góc độ doanh nghiệp

Các nhà khoa học thường tiếp cận dưới góc độ tình huống, góc độ ngành, vùng hay sản xuất sạch hơn.

1.2.2.3. Các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ khu công nghiệp, hay công nghiệp sinh thái

Quá trình phát triển các khu công nghiệp mặc dù có đóng góp tới phát triển kinh tế của quốc gia, Xu hướng phát triển các KCN sinh thái đang là chủ trương hiện nay.

1.3. Khái quát chung về những vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài và khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Những vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài

Thứ nhất, theo các nhà nghiên cứu, vấn đề tăng trưởng xanh đến thời điểm hiện nay đã trở thành một vấn đề thật sự cần thiết. Tăng trưởng xanh là bước chuyển tiếp quan trọng, quá trình này hướng đến việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên và các giảm thiểu tác động tới môi trường.

Thứ hai, nhưng các nhà nghiên cứu thống nhất, tăng trưởng xanh là quá trình chuyển tiếp quan trọng từ tăng trưởng theo phương thức truyền thống đến phương thức mà, tài nguyên, môi trường cũng được tính như một yếu tố đầu vào quan trọng.

Thứ ba, doanh nghiệp để có thể định hướng, chuyển tiếp sang phương thức sản xuất mới, đòi hỏi cần phải có những chính sách và cả những sức ép để các doanh nghiệp có thể chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Thứ tư, tăng trưởng xanh từ góc độ doanh nghiệp có thể tiếp cận ở 2 góc độ phổ biến hiện nay: (1) cải tiến sinh thái; (2) sản xuất bền vững.

Thứ năm, các yếu tố giải thích triển khai hoạt động TTX, bên cạnh các yếu tố thuộc về đặc tính của doanh nghiệp thì cần phải kể đến sức ép từ phía các bên hữu quan.

Thứ sáu, doanh nghiệp triển khai các hoạt động TTX gặp phải nhiều khó khăn: yếu tố thuộc nội bộ doanh nghiệp, yếu tố từ bên ngoài như hành vi của khách hàng, tiếp cận vốn của các doanh nghiệp... Do vậy, cần có sự tác động, hỗ trợ từ Chính phủ, cũng như sự thống nhất từ các tác nhân liên quan để góp phần thúc đẩy các hoạt động tăng trưởng xanh từ góc độ doanh nghiệp.

1.3.2 Khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất, ở trong nước, thường chỉ tập trung ở góc độ vĩ mô, tổng thể nền kinh tế. Nghiên cứu vi mô thường chỉ tiếp cận ở góc độ ngành, khu công nghiệp hoặc cá nhân.

Thứ hai, tăng trưởng xanh doanh nghiệp thường được tiếp cận từ các góc độ: (1) sản xuất bền vững; (2) cải tiến sinh thái; (3) trách nhiệm xã hội. Việc thống nhất nội hàm các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp cần có sự tiếp cận tổng thể. Hiện nay, việc tiếp cận chủ yếu dưới góc độ riêng lẻ, thiếu những nghiên cứu dưới góc độ tổng thể.

Thứ ba, những nghiên cứu ở KCN Đồng Nai thường hướng đến cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, hoặc xa hơn có 1 số nghiên cứu đề cập đến phát triển các khu công nghiệp sinh thái. Tiếp cận từ góc độ xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng xanh của doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp trong khu công nghiệp cần phải có những nghiên cứu sâu và cụ thể hơn.

Thứ tư, hệ thống chỉ tiêu phản ánh TTX thường tiếp cận tới việc tuân thủ quy định về môi trường, mà thiếu đi sự tiếp cận ở góc độ bản chất của tăng trưởng xanh đó là nâng cao năng suất, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Thứ năm, việc lý giải việc triển khai hoạt động TTX là một hướng đang còn hạn chế, hầu như các nghiên cứu chỉ tiếp cận dưới góc độ lý giải hành vi cá nhân, ngành hay tổng thể nền kinh tế.

Thứ sáu, việc hệ thống hóa và đặc biệt chỉ ra những rào cản, khó khăn khi doanh nghiệp chuyển tiếp qua mô hình TTX tại Việt Nam, đặc biệt là các khu công nghiệp còn chưa có.

Như vậy, tổng hợp từ các nghiên cứu trước đó, tác giả nhận thấy trên thế giới tiếp cận hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp theo nhiều hướng khác nhau như: trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, sản xuất bền vững hay cải tiến sinh thái. Tại Việt Nam khái niệm về tăng trưởng xanh còn khá mới, các tác giả thường tiếp cận theo những góc độ về trách nhiệm xã hội, hay hành vi của cá nhân. Tại các khu công nghiệp, thông thường lại tiếp cận

từ góc độ phát triển bền vững, khu công nghiệp sinh thái, hoặc hút đầu tư, tiếp cận ở góc độ doanh nghiệp, cụ thể đề về tăng trưởng xanh hầu như chưa có.

Trong nghiên cứu này, tác giả dựa trên cơ sở các lý thuyết về doanh nghiệp, cải tiến sinh thái và sản xuất bền vững nhằm nhận diện các hoạt động hướng đến tăng trưởng xanh của doanh nghiệp. Kế thừa các nghiên cứu trước đó và kết hợp với 5 nhóm lý thuyết, tác giả đề các yếu tố tác động đến hoạt động hướng đến tăng trưởng xanh của doanh nghiệp. Ngoài ra phạm vi nghiên cứu của tác giả là các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đây là địa bàn lớn, tập trung nhiều doanh nghiệp sản xuất trên cả nước, tuy nhiên cũng chưa có nghiên cứu nào tiếp cận theo hướng của tác giả. Vì vậy, chủ đề nghiên cứu của tác giả có sự khác biệt so với những nghiên cứu trước đây và có đóng góp về mặt khoa học và thực tiễn.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ DOANH NGHIỆP

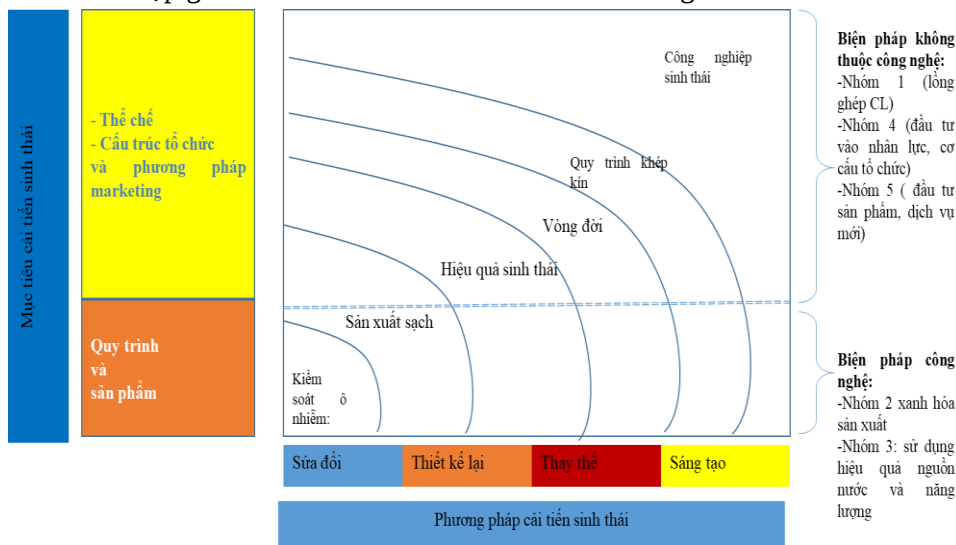
2.1. Tăng trưởng xanh tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp

Hoạt động TTX: được định nghĩa như hành vi môi trường của công ty, bao gồm các hoạt động môi trường rộng rãi, có thể hỗ trợ một công ty trong quá trình ra quyết định và có lợi cho môi trường.

Sản xuất bền vững (Sustainable manufacturing): việc tạo ra các hàng hóa và dịch vụ sử dụng quy trình và hệ thống mà không gây ô nhiễm, bảo tồn năng lượng và các nguồn lực tự nhiên, khả thi về mặt kinh tế, an toàn và sức khỏe mạnh cho công nhân, cộng đồng và người tiêu dùng, xã hội và bổ ích cho mọi người lao động. (Nasr & Thurston, 2006)

Cải tiến sinh thái (Eco-Innovation): là sự thực thi những cái mới hoặc cải thiện về sản phẩm (bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ), quy trình sản xuất, phương thức marketing, cấu trúc của tổ chức và sắp xếp thể chế có chủ đích hoặc không chủ đích nhằm hướng đến cải thiện môi trường so với những lựa chọn khác. (OECD&Eurostat, 2005).

Kết hợp giữa cải tiến sinh thái và sản xuất bền vững



Có 5 nhóm triển khai hoạt động TTX bao gồm: (i) lồng ghép tăng trưởng xanh trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp; (ii) xanh hóa trong sản xuất; (iii) sử dụng hiệu quả nguồn nước và năng lượng; (iv) đầu tư vào nguồn nhân lực và cơ cấu tổ chức; (v) đầu tư cho nghiên cứu sản xuất các sản phẩm hoặc dịch vụ mới thân thiện với môi trường và các hoạt động marketing xanh hướng đến thay đổi thói quen người tiêu dùng

2.2. Các yếu tố tác động tới việc triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp

Doanh nghiệp là một tác nhân trong nền kinh tế, nên hoạt động của họ cũng chịu ảnh hưởng nhiều bởi các bên hữu quan. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định, hay triển khai các hoạt động TTX của họ. Có nhiều lý thuyết lý giải điều này: (i) lý thuyết về doanh nghiệp theo tiếp cận của kinh tế học; (ii) lý thuyết liên quan đến chiến lược của doanh nghiệp; (iii) lý thuyết về thể chế (iv) lý thuyết về các bên hữu quan và tác động đối với thay đổi hành vi theo hướng xanh hơn. Mặc dù cách tiếp cận khác nhau, tuy nhiên, các lý thuyết này cũng chỉ ra rằng doanh nghiệp không thể độc lập trong nền kinh tế, hoạt động của họ cũng chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau. Thường hướng đến vấn đề tối đa hóa lợi nhuận, nên doanh nghiệp thường hay bỏ qua các vấn đề về môi trường. Chính vì vậy, việc triển khai các hoạt động TTX nhằm giảm thiểu tác động từ hoạt động sản xuất tới môi trường bên cạnh nhận thức, nhưng cũng còn nhiều yếu tố khác. Từ phía bản thân doanh nghiệp, doanh nghiệp chịu tác động từ đặc điểm về vốn, mức độ hội nhập quốc tế hay lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

2.3. Bài học kinh nghiệm về thúc đẩy TTX ở góc độ doanh nghiệp

Trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm từ việc nghiên cứu các quốc gia điển hình (Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia), hay các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tác giả rút ra một số bài học đối với Việt Nam như sau:

2.3.1. Đối với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước

Chính phủ cần thực thi các chính sách hỗ trợ đi kèm. Doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động vốn trong sản xuất, tiếp cận những tiến bộ công nghệ mới, do đó ngoài việc ban hành chính sách, Chính phủ cần thực

hiện các hoạt động cụ thể, giám sát việc thực thi chính sách để tạo một môi trường bình đẳng cho các doanh nghiệp có thể tiếp cận được nguồn vốn và phổ biến những thông tin về công nghệ mới trên thế giới.

Chính phủ trước hết cần tạo ra một “sân chơi” bình đẳng trên cơ sở những quy định rõ ràng, chặt chẽ, minh bạch, lành mạnh hóa các thủ tục hành chính, chính sách liên quan đến kinh doanh, đầu tư. Chính phủ cũng cần có hỗ trợ cần thiết với những doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực được khuyến khích, đặc biệt những lĩnh vực liên quan đến tăng trưởng xanh.

Chính phủ cần tăng cường các công cụ chính sách thuế tài nguyên và môi trường. Bên cạnh đó, cần xây dựng được một cơ chế hỗ trợ phù hợp gắn liền với quyền lợi và hiệu quả của doanh nghiệp.

Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thông qua các tổ chức nghiên cứu, trường đại học và chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài.

Xây dựng cầu nối giữa các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học, công nghệ bằng các chương trình như hội chợ giới thiệu các công nghệ mới, phổ biến kiến thức khoa học...

2.3.2. Đối với các doanh nghiệp

Thứ nhất, các doanh nghiệp cần xác định vai trò và nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh.

Thứ hai, hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp cần được xuất phát từ việc phân tích quy trình, hệ thống gắn liền với những cải tiến từ nhỏ cho đến lớn, từ phạm vi vi mô trong doanh nghiệp cho đến mở rộng ở phạm vi vĩ mô toàn xã hội, cần được sự hưởng ứng của các bên hữu quan, từ người tiêu dùng cho đến toàn bộ thể chế.

Thứ ba, những hoạt động cải tiến nhỏ từ doanh nghiệp cần có sự đóng góp lớn từ phía người lao động trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần trao quyền và nâng cao ý thức của người lao động, khuyến khích người lao động liên tục cải tiến nâng cao hiệu quả công việc..

Thứ tư, ở cấp độ lớn hơn, những cải tiến vượt qua tầm doanh nghiệp, có thể có tác động to lớn ở ngoài xã hội, tạo nên những xu hướng tiêu dùng mới, hướng đến xanh hoá sản xuất, xanh hoá tiêu dùng cần có sự tham gia đóng góp của toàn xã hội, trong đó, những cải tiến của doanh nghiệp sẽ đóng vai trò là hạt nhân

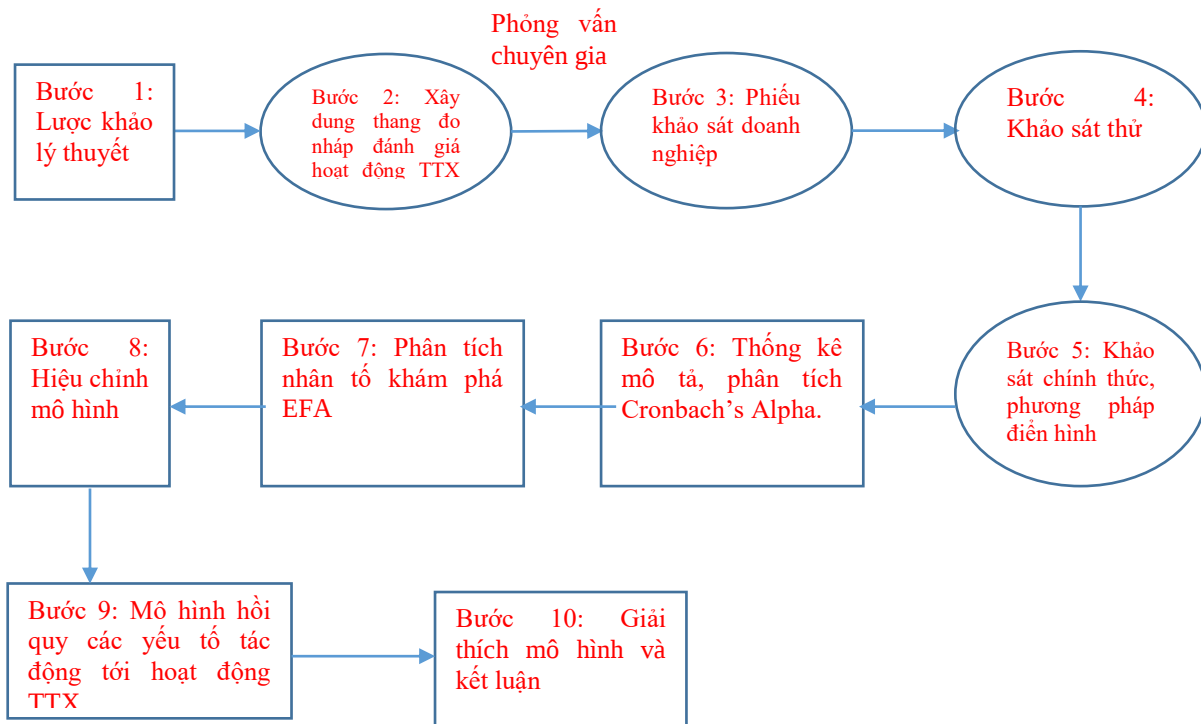
Thứ năm, khởi nghiệp không đơn giản, mà cần phải bắt nguồn từ ý tưởng mới, sáng tạo, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ hiện đại. doanh nghiệp cần luôn phải đổi mới, cải tiến, gắn kết mục tiêu phát triển với sự phát triển chung của cộng đồng, của môi trường.

Cuối cùng, dù trong bất kỳ lĩnh vực nào, đạo đức kinh doanh cần luôn được các doanh nghiệp tôn trọng, đảm bảo. Đây là nền tảng nòng cốt, giúp cho doanh nghiệp phát triển bền vững trong tương lai.

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Quy trình, phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu đề ra, quy trình và phương pháp nghiên cứu cụ thể của luận án như sau:



Tương ứng với các bước là các phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu được sử dụng. Bước từ 1-5, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua các phương pháp: lược khảo lý thuyết, phỏng vấn chuyên gia, điền hình. Từ bước 6-9 chủ yếu sử dụng phương pháp định lượng thông qua phương pháp hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, và mô hình hồi quy.

3.2. Số lượng mẫu và phương pháp lấy mẫu

Trong nghiên cứu này, dựa trên đặc thù của đối tượng khảo sát, tác giả sử dụng phương pháp lấy mẫu điều tra, thuận tiện. Dựa trên tính dễ tiếp cận của đối phương, nên phương pháp này có thể dễ dàng tiếp cận được đối tượng phỏng vấn, không mất nhiều thời gian. Tuy nhiên, điểm hạn chế đó là sẽ có thể không bao quát hết được đối tượng khảo sát.

Mặc dù còn có nhiều thiếu sót, tuy nhiên, do đặc thù khó khảo sát của doanh nghiệp, kinh phí hạn chế nên tác giả quyết định sử dụng phương pháp lấy mẫu này.

Phương pháp điều tra xã hội học với các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN trong khoảng thời gian từ tháng 11/2017-5/2018 với số lượng 500 phiếu về nội dung đã đề cập.

3.3. Mô hình, thang đo các yếu tố và giả thuyết nghiên cứu

3.3.1. Thang đo về mức độ nhận thức của doanh nghiệp.

Thang đo về nhận thức của doanh nghiệp được thể hiện qua thang đo 1-3, với 3 mức độ: (1) không đồng ý; (2) không có ý kiến; (3) hoàn toàn đồng ý, được thể hiện qua các chỉ tiêu: (i) cải thiện tình hình tài chính; (ii) giúp công việc kinh doanh thuận lợi; (iii) tạo quan hệ tốt với các bên hữu quan; (iv) giúp doanh nghiệp phát triển bền vững trong tương lai.

3.3.2. Thang đo về triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp

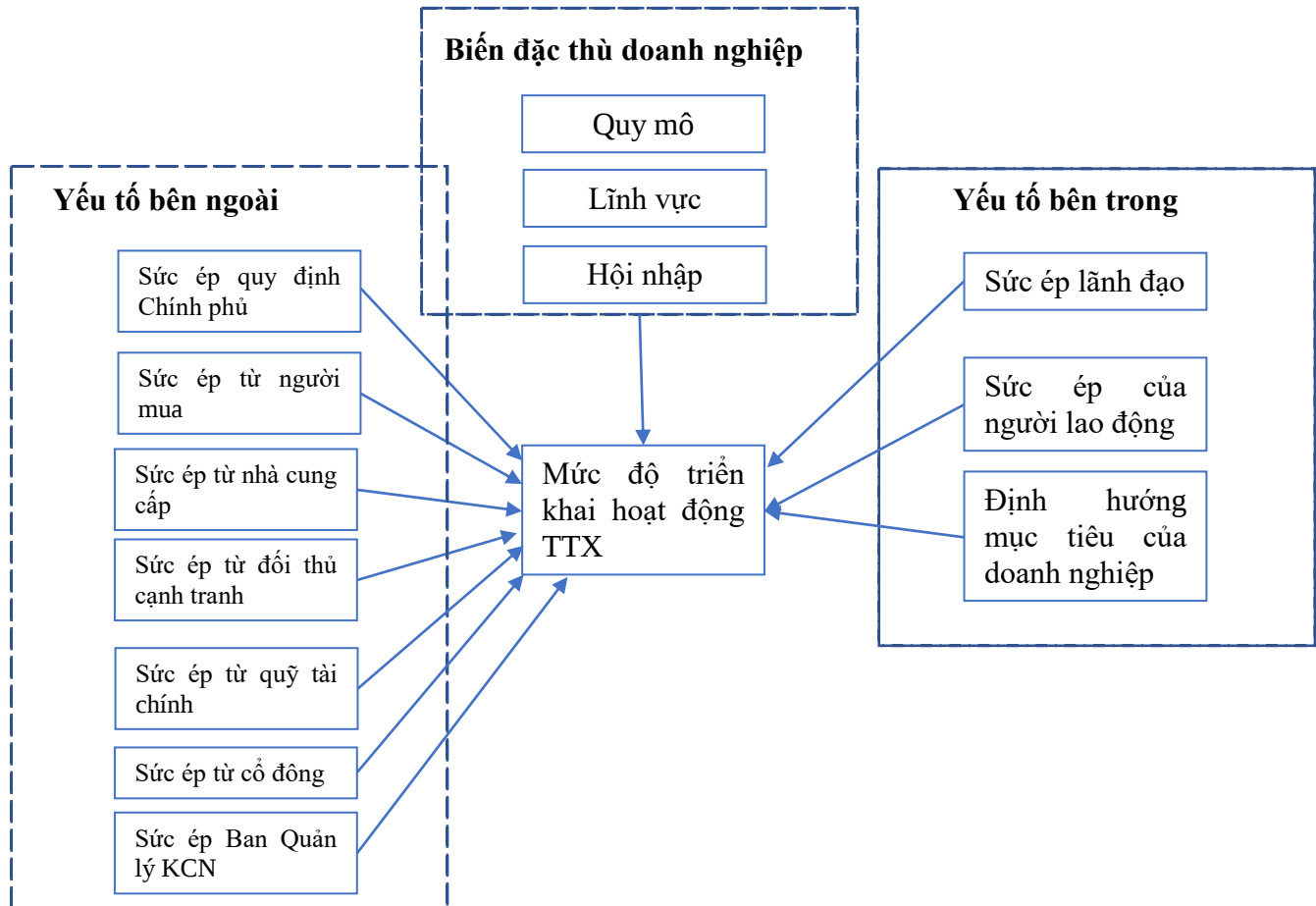
Thang đo về mức độ triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp được đo lường theo 3 mức: 0: chưa triển khai; 1: đang triển khai; 2: đã triển khai. Các hoạt động cụ thể ở 5 nhóm hoạt động, tuy nhiên tác giả cụ thể thêm ở nhóm thứ 2 xanh hóa sản xuất sẽ bao gồm 3 thành phần: tìm nguyên liệu sạch hơn để thay thế; cải tiến công nghệ theo hướng giảm chất ô nhiễm; đề ra mục tiêu giảm thiểu chất ô nhiễm; tiêu chí sử dụng hiệu quả nguồn nước và năng lượng được cụ thể bằng 2 tiêu chí thành phần (sử dụng tiết kiệm nguồn nước; sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng). Tổng cộng sẽ có 35 tiêu chí thành phần

3.3.3. Thang đo về các yếu tố tác động tới việc triển khai hoạt động TTX của doanh nghiệp

Việc triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp chịu tác động từ sức ép của các bên hữu quan cùng với đặc thù của doanh nghiệp. Theo đó, đặc thù của doanh nghiệp trong yếu tố này sẽ bao gồm 3 yếu tố: (i) cỡ doanh nghiệp (thể hiện qua quy mô vốn): quy mô lớn, quy mô nhỏ; (ii) lĩnh vực: lĩnh vực công nghiệp; không phải lĩnh vực công nghiệp; (iii) hội nhập quốc tế: tỷ lệ xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (%)

Sức ép từ phía các bên hữu quan bao gồm các thành phần: sức ép từ lãnh đạo doanh nghiệp; sức ép từ người lao động; sức ép từ mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp; sức ép từ Chính phủ; sức ép từ người mua; sức ép từ các nhà cung cấp; sức ép từ đối thủ cạnh tranh; sức ép từ các quỹ tài chính; sức ép từ cổ đông; sức ép từ Ban quản lý KCN, tổng cộng bao gồm 41 tiêu chí thành phần. Sức ép này được đo lường bởi cảm nhận của doanh nghiệp theo thang đo likert 5 cấp độ (từ 1: hoàn toàn không tác động cho đến 5 là mức độ tác động mạnh).

Mô hình đề xuất:



CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2010-2018

4.1. Quá trình hình thành và phát triển các KCN và doanh nghiệp trong KCN tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018

4.1.1 Sự hình thành và phát triển các KCN tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018

Đồng Nai là một trong những địa phương quy hoạch phát triển các khu công nghiệp sớm nhất trên cả nước. Từ đầu những năm 1990, Đồng Nai đã quy hoạch 17 KCN, nhưng thực tế thực hiện tỉnh đã chuẩn bị cho việc hình thành 23 KCN (do KCN Nhơn Trạch 2.700 ha chia thành nhiều KCN nhỏ). Năm 2015, Đồng Nai đã được Chính phủ phê duyệt phát triển 36 khu công nghiệp. Cho đến năm 2017, Đồng Nai đã có 32 khu công nghiệp được thành lập, với tổng diện tích đất là 10.242,59 ha. Đến nay, các khu công nghiệp đã cho thuê được 4.949,56 ha, đạt tỷ lệ 71% diện tích đất công nghiệp dành cho thuê (6.946,46 ha).

Liên quan đến hoạt động quản lý môi trường, các khu công nghiệp cũng đã triển khai xây dựng hệ nhà máy xử lý nước thải tập trung (NMXLNTTT), trong tổng số 32 khu công nghiệp thì đã có đến 31 khu có dự án đi vào hoạt động (trừ khu công nghệ cao Long Thành) và 31/31 khu công nghiệp đang hoạt động đã xây dựng hoàn thành NMXLNTTT với tổng công suất thiết kế là 159.070 m³/ngày đêm với tổng số vốn lên đến 1651 tỷ đồng.

4.1.2. Khái quát sự phát triển các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018

Cùng với quá trình phát triển, ngày càng nhiều dự án và các doanh nghiệp tham gia hoạt động trên địa bàn các khu công nghiệp của tỉnh. Đến cuối năm 2016, đã có 42 quốc gia và vùng lãnh thổ hoạt động đầu tư với 1526 dự án, 1.111 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn 21.360,22 triệu USD, vốn thực hiện 15.746,52 triệu USD và 415 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư 48.910,7 tỷ đồng. Các khu công nghiệp cũng đã thu hút được nhiều doanh nghiệp thuộc các loại hình khác nhau, và nhiều tập đoàn mạnh tham gia hoạt động tại các khu với nhiều tập đoàn lớn từ các quốc gia phát triển: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore...

Cụ thể, số lượng doanh nghiệp hoạt động phân theo loại hình tại các khu công nghiệp của Đồng Nai như sau:

Năm	Tổng số doanh nghiệp	Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	Công ty liên doanh	Doanh nghiệp trong nước
2010	1131	794	28	309
2011	1156	786	56	314
2012	1210	816	63	331
2013	1270	864	60	346
2014	1336	900	73	363
2015	1426	965	83	378
2016	1513	1023	80	410
2017	1597	1065	79	453
2018	1700	1165	78	457

Thông qua phân tích thực trạng số liệu về các khu công nghiệp cũng như doanh nghiệp đang hoạt động, xu hướng thu hút đầu tư, chủ yếu tập trung các doanh nghiệp quy mô vốn, lao động lớn. Hầu hết các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, từ vốn đầu tư nước ngoài. Việc các doanh nghiệp tham gia vào khu công nghiệp, vốn đầu tư nước ngoài sẽ hình thành nên các chuỗi giá trị toàn cầu. Các doanh nghiệp khi tham gia cũng sẽ phải tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn chung về chất lượng sản phẩm cũng như môi trường. Tuy nhiên, các doanh nghiệp với quy mô lớn, các ngành công nghiệp tập trung nhiều lao động, nhưng nếu công nghệ lạc hậu, không cải tiến sẽ gây những tác động tiêu cực tới môi trường. Trên thực tế, cũng đã xảy ra nhiều trường hợp, sự cố đáng tiếc khi doanh nghiệp vi phạm các quy định về môi trường, xả thải trực tiếp ra sông hoặc không khí, gây ô nhiễm môi trường xung quanh tại các KCN của Đồng Nai.

4.2. Chính sách của Chính phủ và các hoạt động hỗ trợ của Ban Quản lý khu công nghiệp trong thúc đẩy hoạt động tăng trưởng xanh ở góc độ doanh nghiệp

4.2.1. Chính sách của Chính phủ

Song song với Chiến lược TTX (2012), Chính phủ cũng ban hành nhiều Luật, nghị định về môi trường cũng được chú trọng, ban hành, đi vào hiện thực. Các chính sách này đã tạo ra khu pháp lý để điều chỉnh hoạt động sản xuất của doanh nghiệp hướng đến những hoạt động bền vững hơn, hiệu quả hơn.

4.2.2. Hoạt động hỗ trợ tăng trưởng xanh của Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai

Để phát huy vai trò và định hướng phát triển mô hình khu công nghiệp phát triển bền vững hơn, Ban Quản lý các khu công nghiệp nói chung, cũng như các công ty xây dựng hạ tầng của các khu công nghiệp tại Đồng Nai đã triển khai nhiều nội dung cụ thể:

- Cụ thể hóa, triển khai và hướng dẫn các nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định về thực hiện đầu tư, hoạt động trong khu công nghiệp. Ngoài ra, trong định hướng thời gian sắp tới, việc thu hút nhà đầu tư sẽ tập trung vào các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao, ít tổn hại tới môi trường.

- Trong lĩnh vực môi trường, Ban Quản lý khu công nghiệp Đồng Nai tiến hành phổ biến các thông tin về các quy định quản lý hoạt động, tiêu chuẩn môi trường tới các doanh nghiệp.

Song song với đó, các khu công nghiệp cũng xây dựng cơ sở hạ tầng gắn liền với xử lý các vấn đề về môi trường trong khu công nghiệp: xây dựng, vận hành nhà máy nước thải tập trung và lắp đặt các thiết bị quan trắc môi trường tự động.

4.3. Thực trạng triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018

4.3.1. Một số điển hình trong triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018

Phương pháp tình huống được thực hiện với 4 doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp của tỉnh Đồng Nai. Các doanh nghiệp được chọn qua đặc thù về quy mô; loại hình; lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Thông qua tổng hợp, một số nội dung được tác giả rút ra như sau:

Thứ nhất, các cấp độ triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp ở nhiều mức khác nhau. Các doanh nghiệp trong nước thường áp dụng các hoạt động ở cấp độ vi mô, nội bộ doanh nghiệp, hướng đến tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng và nước.

Thứ hai, các yếu tố buộc doanh nghiệp phải triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh bao gồm sức ép từ phía các bên hữu quan. Ngoài ra, do đặc thù của từng doanh nghiệp: lĩnh vực hoạt động, mức độ hội nhập quốc tế.

Thứ ba, xu hướng triển khai các hoạt động TTX là điều tất yếu, tuy nhiên các doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khi triển khai các hoạt động này từ các yếu tố nội tại của doanh nghiệp (vốn, chất lượng lao động) hay các yếu tố bên ngoài như việc đồng bộ từ phía cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp cũng là những rào cản hạn chế việc triển khai của doanh nghiệp.

4.3.2. Thực trạng về nhận thức vai trò của tăng trưởng xanh và thực tiễn triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018 thông qua khảo sát

Ngoài việc phân tích một số điển hình, để làm rõ hơn thực trạng, tác giả khảo sát ở diện rộng các doanh nghiệp đang hoạt động trong các KCN của tỉnh Đồng Nai. Kết quả cụ thể:

4.3.2.1. Nhận thức của doanh nghiệp về tăng trưởng xanh thông qua khảo sát

100% doanh nghiệp đều đồng ý với khái niệm được đưa ra: *Tăng trưởng xanh là sự kết hợp giữa các hoạt động giúp tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực, tiết kiệm nguồn điện, nước gắn liền với việc giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường và nó thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với xã hội.*

Tuy nhiên một số tiêu chí cũng có sự chưa thống nhất, như dễ dàng tiếp cận nguồn vốn, tiếp cận cơ hội kinh doanh, cơ hội thương mại mới, giúp doanh nghiệp nâng cao danh tiếng, hay tăng doanh thu, tạo lợi nhuận, nâng cao hiệu quả và năng suất ... điều này xuất phát từ đặc thù của doanh nghiệp, cũng như các bên hữu quan (người tiêu dùng, hay tổ chức tín dụng) chưa có sức ép mạnh mẽ để doanh nghiệp thay đổi hành vi.

4.3.3.2. Thực trạng triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp trên địa bàn KCN tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018

Trên cơ sở khảo sát 252 doanh nghiệp phân theo nhiều tiêu chí (lĩnh vực hoạt động, quy mô, loại hình) thì xu hướng triển khai hoạt động TTX của doanh nghiệp trong KCN Đồng Nai được thể hiện qua bảng:

Tiêu chí		Mức độ triển khai			Số lượng doanh nghiệp trả lời	Min	Max	Trung bình	Độ lệch chuẩn
		0	1	2					
1. Nhóm 1: Lồng ghép TTX vào chiến lược tăng trưởng của doanh nghiệp									
1.1	Lồng ghép mục tiêu tăng trưởng xanh vào chiến lược phát triển	52	88	111	251	0	2	1.24	0.77
1.2	Lãnh đạo doanh nghiệp có tham gia các khóa tập huấn, hội thảo về TTX	68	103	81	252	0	2	1.05	0.76
1.3	Lãnh đạo doanh nghiệp áp dụng những nội dung tập huấn	84	81	87	252	0	2	1.01	0.83
1.4	Thực hiện kiểm toán về môi trường	88	130	34	252	0	2	0.79	0.66
1.5	Có những biểu ngữ, khẩu hiệu hướng đến mục tiêu phát triển TTX	64	75	113	252	0	2	1.19	0.82
1.6	Doanh nghiệp đi đầu trong phát động thực hiện (hoặc hưởng ứng) những chương trình bảo vệ môi trường	131	76	45	252	0	2	0.66	0.76
2. Nhóm 2: Tìm nguồn nguyên vật liệu sạch hơn để thay thế									
2.1	Lập danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu	31	87	134	252	0	2	1.41	0.7
2.2	Lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu dựa trên tiêu chí thân thiện với môi trường	46	127	79	252	0	2	1.13	0.69
2.3	Lấy nguyên liệu đầu vào từ nguồn thải các doanh nghiệp khác đã qua xử lý trong cùng khu công nghiệp	101	58	93	252	0	2	0.97	0.88
2.4	Xử lý nguồn chất thải đầu ra để tái sử dụng cho doanh nghiệp hoặc các doanh nghiệp khác	64	103	85	252	0	2	1.08	0.76
3. Nhóm 3: Cải tiến công nghệ theo hướng sạch hơn									
3.1	Triển khai hệ thống quản lý môi trường	33	141	78	252	0	2	1,18	0,64
3.2	Áp dụng hay thực hiện quy trình sản xuất sạch hơn	37	96	119	252	0	2	1,32	0,72
3.3	Thực hiện đầu tư vào công nghệ mới thân thiện với môi trường	81	101	70	252	0	2	0,96	0,77
4. Đề ra mục tiêu giảm thiểu mức phát thải và công tác bảo vệ môi trường									
4.1	Đo lường mức phát thải theo từng tháng	38	111	103	252	0	2	1,26	0,7
4.2	Đưa ra mục tiêu giảm thiểu mức phát thải định kỳ	75	91	86	252	0	2	1,04	0,8
4.3	Đầu tư vào dây chuyền xử lý chất thải	107	70	75	252	0	2	0,87	0,84
5. Sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng									
5.1	Thu thập dữ liệu về tình hình sử dụng năng lượng theo từng tháng	31	99	122	252	0	2	1,36	0,69
5.2	Đưa ra định mức tiêu thụ năng lượng cho từng tháng	51	103	98	252	0	2	1,19	0,75
5.3	Sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt	41	80	131	252	0	2	1,36	0,75
5.4	Đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu mức tiêu thụ năng lượng	46	97	109	252	0	2	1,25	0,74
5.5.	Doanh nghiệp được cấp chứng nhận ISO 50.001 về quản lý năng lượng	114	91	47	252	0	2	0,73	0,75
6. Sử dụng tiết kiệm nguồn nước									
6.1	Thu thập dữ liệu sử dụng nguồn nước theo từng tháng	23	72	157	252	0	2	1,53	0,66

6.2	Lắp các thiết bị tiết kiệm nước trong các cơ sở của mình	64	96	92	252	0	2	1,11	0,78
6.3	Thiết kế lại quy trình sản xuất nhằm tiết kiệm nước	65	107	80	252	0	2	1,05	0,76
7. Đầu tư vào nhân lực và cơ cấu tổ chức									
7.1	Tuyển dụng nhân lực có chuyên môn về môi trường	72	101	79	252	0	2	1,03	0,78
7.2	Thành lập tổ chức hoặc bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường	83	86	83	252	0	2	1	0,81
7.3	Doanh nghiệp thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn cho nhân viên về kỹ năng sản xuất liên quan đến tăng trưởng xanh	77	107	67	251	0	2	0,96	0,75
7.4	Doanh nghiệp có bộ phận cải tiến kỹ thuật theo hướng thân thiện với môi trường	114	106	32	251	0	2	0,67	0,69
7.5	Doanh nghiệp có bộ phận nghiên cứu và triển khai (R&D)	113	65	73	251	0	2	0,84	0,85
7.6	Doanh nghiệp có bộ phận phụ trách sở hữu trí tuệ	114	58	77	249	0	2	0,85	0,86
8. Đầu tư sản phẩm xanh, marketing xanh									
8.1	Doanh nghiệp có chứng chỉ đạt tiêu chuẩn ISO 14000	94	61	97	252	0	2	1,01	0,87
8.2	Doanh nghiệp dán nhãn sinh thái lên các sản phẩm của mình	111	78	63	252	0	2	0,81	0,81
8.3	Sản xuất ra những sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường	91	122	39	252	0	2	0,79	0,69
8.4	Doanh nghiệp có các chứng chỉ quốc gia về sản phẩm xanh (nhãn sinh thái, nhãn xanh)	138	54	60	252	0	2	0,69	0,83
8.5	Triển khai các chương trình marketing theo hướng gắn liền với bảo vệ môi trường	106	51	95	252	0	2	0,96	0,89

4.4. Đánh giá việc triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Đồng Nai giai đoạn 2010-2018

4.4.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, hầu hết các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã ý thức được vai trò quan trọng của tăng trưởng xanh đối với sự phát triển bền vững.

Thứ hai, hầu hết các doanh nghiệp đã lồng ghép các hoạt động tăng trưởng xanh trong chiến lược phát triển doanh nghiệp của mình.

Thứ ba, đã có những tín hiệu khả quan để hình thành các khu công nghiệp sinh thái từ nền tảng các khu công nghiệp cũ.

Thứ tư, việc chú trọng đầu tư vào công nghệ thân thiện với môi trường cũng đã được các doanh nghiệp quan tâm bằng việc đầu tư vào các hệ thống quản lý môi trường, triển khai phân tích và tiến hành các phương thức sản xuất sạch hơn.

Thứ năm, các doanh nghiệp cũng đã rất ý thức trong việc quy định mức phát thải ra môi trường, thông qua việc kiểm soát đầu ra.

Thứ sáu, các hoạt động tiết kiệm và sử dụng hiệu quả yếu tố đầu vào (năng lượng, nước) đã được các doanh nghiệp quan tâm, triển khai ở các doanh nghiệp mình.

Thứ bảy, việc đầu tư vào nhân lực có trình độ, hoặc thành lập các bộ phận liên quan đến môi trường đã hưởng ứng, triển khai tại các doanh nghiệp.

Thứ tám, ở cấp độ cao hơn, việc sản xuất ra các sản phẩm, dịch vụ xanh cũng đã được một số doanh nghiệp triển khai thực hiện. Nhiều doanh nghiệp đã nhận được chứng chỉ ISO 1400 (59/167 doanh nghiệp được khảo sát

đã có chứng chỉ này) thể hiện quyết tâm cũng như cam kết của mình để các hoạt động sản xuất không ảnh hưởng tới môi trường.

4.4.2. Những hạn chế

Khái quát chung, những hoạt động tăng trưởng xanh triển khai từ doanh nghiệp còn ở mức độ nhỏ lẻ, liên quan đến những cải tiến trong nội bộ doanh nghiệp. Theo biểu đồ sự kết hợp giữa sản xuất bền vững và cải tiến sinh thái, các hoạt động tăng trưởng triển khai chủ yếu liên quan đến công nghệ, nhằm các mục tiêu về kiểm soát ô nhiễm, hoặc sản xuất sạch hơn. Những cải tiến có tính gắn kết các doanh nghiệp, hoặc thúc đẩy lan tỏa, tạo ra xu hướng tiêu dùng hoặc trào xanh hơn còn rất hạn chế. Ngoài ra, những cải tiến hoặc các biện pháp công nghệ chủ yếu xuất phát từ những cải tiến nhỏ, hướng đến nâng cao hiệu quả sản xuất.

Điểm trung bình cao tập trung ở những hoạt động dễ triển khai ở cấp độ doanh nghiệp. Những hoạt động này thường liên quan đến việc đưa ra các mục tiêu, hoặc tổng hợp dữ liệu. Việc triển khai thực tế như đòi hỏi sự đầu tư lớn, kết hợp với các đơn vị khác, hoặc có tầm tác động vượt qua phạm vi doanh nghiệp thường có điểm trung bình thấp hơn, thể hiện cụ thể ở bảng dữ liệu sau:

Bảng 4.1: Phân tổ điểm trung bình triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh tại các doanh nghiệp khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (theo điểm số từ thấp đến cao)

Điểm trung bình đánh giá	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Điểm trung bình đánh giá từ 0,6-0,8	6	17,14
Điểm trung bình đánh giá từ trên 0,8- 1	9	25,71
Điểm trung bình đánh giá từ trên 1 đến 1,2	12	34,29
Điểm trung bình đánh giá từ trên 1,2 đến 1,4	6	17,14
Điểm trung bình đánh giá trên 1,4	2	5,71
Tổng cộng	35	100,00

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của tác giả

Những hạn chế cụ thể trong từng nhóm hoạt động theo tác giả đánh giá như sau:

Thứ nhất, ở nhóm hoạt động đầu tiên, kết quả khảo sát chỉ ra rất ít doanh nghiệp thực hiện kiểm toán về môi trường, cũng như có sự chỉ đạo xuyên suốt từ trên xuống thể hiện qua lãnh đạo đơn vị có kiến thức về TTX và áp dụng nó vào doanh nghiệp còn khá hạn chế. Để có thể triển khai các hoạt động TTX một cách thuận lợi, cần có kiến thức và sự quyết tâm chỉ đạo từ phía lãnh đạo của đơn vị. Ngoài ra việc thực hiện kiểm toán về môi trường cũng cần phải được triển khai một cách rộng rãi để các doanh nghiệp nắm được dòng tiền và các khoản đầu tư môi trường và sử dụng nó để sinh lợi. Tuy nhiên, việc triển khai cả 2 hoạt động này còn hạn chế, do vậy sẽ khó thúc đẩy TTX trong các doanh nghiệp, tạo sự phát triển bền vững trong tương lai.

Thứ hai, ở nhóm hoạt động thứ 2, mặc dù đã có dấu hiệu khả quan khi các doanh nghiệp đã chủ động xây dựng mối quan hệ cộng sinh với nhau, nhưng chỉ có 31,3% doanh nghiệp lựa chọn nhà cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào theo tiêu chí thân thiện với môi trường (chỉ 79/252 doanh nghiệp đồng ý và đã triển khai ở doanh nghiệp mình). Điều này cho thấy mặc dù nhìn nhận được vai trò của TTX, nhưng khi đi vào thực tế, các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn trong chuyển đổi. Yếu tố đầu vào vẫn lựa chọn dựa theo chuỗi nguyên liệu và hệ thống.

Thứ ba, ở nhóm hoạt động thứ 3, kết quả khảo sát cho thấy các hoạt động thường dừng ở những cải tiến nhỏ lẻ, mức độ đầu tư tương đối thấp, giá trị chưa cao, và thường chỉ áp dụng trong doanh nghiệp. Các cải tiến của doanh nghiệp thường đến từ nhập khẩu công nghệ, bộ phận cải tiến hay người lao động còn chưa có vai trò quan trọng trong hoạt động này.

Thứ tư, nhóm hoạt động thứ 4,5,6 các doanh nghiệp mặc dù đã có đo lường mức phát thải, hay sử dụng các yếu tố đầu vào (năng lượng, nước) tuy nhiên từ đó để phân tích sâu hơn và đề ra mục tiêu giảm lượng tiêu thụ còn rất hạn chế. Các biện pháp này về cơ bản chỉ là thay thế, chứ chưa đi vào bản chất phân tích quá trình sản xuất để giảm lượng tiêu thụ trong từng khâu và hướng đến hiệu quả lâu dài của doanh nghiệp.

Thứ năm, ở nhóm hoạt động thứ 7, việc đầu tư vào nhân lực đặc biệt là nhân lực có chuyên môn về môi trường còn chưa được chú trọng. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cũng chưa chú trọng đến hình thành nên các bộ phận chuyên môn, đặc biệt là bộ phận cải tiến gắn chặt với môi trường. Hơn nữa, những vấn đề về nghiên cứu triển khai, hoặc sở hữu trí tuệ cũng chưa thật sự được chú trọng.

Thứ sáu, ở nhóm hoạt động thứ 8, các hoạt động triển khai ở mức độ hệ thống cũng chưa được chú trọng, rất ít các doanh nghiệp đi đầu trong việc phát động, hoặc triển khai các chương trình ở tầm thể chế liên quan đến nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Việc phát triển thành chuỗi, sản xuất ra những sản phẩm xanh hoặc dán nhãn sinh thái lên sản phẩm của mình cũng chưa thật sự được các doanh nghiệp quan tâm.

CHƯƠNG 5: YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2010-2018

Để lý giải cho việc triển khai hoạt động TTX ở góc độ doanh nghiệp, luận án khảo sát 252 doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực, quy mô và loại hình về các nhóm yếu tố về sức ép của các yếu tố hữu quan đến việc triển khai hoạt động TTX của doanh nghiệp. Mô hình hồi quy tuyến tính được sử dụng trong đó

- Biến phụ thuộc là điểm TTX được tính là tổng điểm triển khai các nhóm hoạt động TTX.
- Biến độc lập

○ Cảm nhận của doanh nghiệp về sức ép các bên hữu quan được đánh giá theo thang đo likert từ 1-5 theo mức độ từ thấp tới cao (1: không tác động, 5: tác động mạnh).

○ Đặc thù của các doanh nghiệp theo 3 nhóm:

(i) Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (LV): lĩnh vực công nghiệp: 1; lĩnh vực ngoài công nghiệp: 0

(ii) Kích cỡ doanh nghiệp (QMV): quy mô vốn lớn hơn 165, nhận giá trị 1; ngược lại nhận giá trị 0.

(iii) Mức độ hội nhập của doanh nghiệp (HNQT): mức độ tham gia thị trường quốc tế của doanh nghiệp, đo bằng tỷ lệ hàng xuất khẩu của doanh nghiệp (%).

5.1. Thống kê mẫu khảo sát

Số lượng phiếu phát ra 500. Phương pháp điều tra xã hội học được áp dụng: phiếu khảo sát được gửi trực tiếp đến trụ sở các doanh nghiệp hoặc gửi thông qua email của doanh nghiệp được đăng ký chính thống trong hồ sơ. Kết quả, đã có 275 phiếu trả lời văn bản và 2 trả lời qua email.

Sau khi lọc những phiếu sai thì số phiếu hợp lệ là 252. Đây là sẽ cơ sở để tác giả thực hiện các phân tích tiếp theo.

Theo kết quả khảo sát, đã có các doanh nghiệp trong 31 khu công nghiệp của tỉnh Đồng Nai tham gia trả lời. Phân bố số phiếu nhiều nhất tại khu công nghiệp Hố Nai (với tổng cộng 32 doanh nghiệp tham gia khảo sát, chiếm tỷ trọng 13,89%). Các khu công nghiệp Nhơn Trạch II – Lộc Khang, Nhơn Trạch 6, Suối Tre, Tân Phú và Xuân Lộc có số doanh nghiệp phản hồi ít nhất với 1 phiếu trả lời.

Tỷ lệ chấp nhận và hoàn thành khảo sát trung bình là 14,82%, trong đó tỷ lệ trả lời cao nhất là các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Tân Phú và Xuân Lộc với tỷ lệ trả lời là 33,33%. Tỷ lệ trả lời thấp nhất là 0%, do chỉ có 1 doanh nghiệp duy nhất trong khu (KCN Công nghệ cao Long Thành).

Phân theo loại hình doanh nghiệp, số lượng phản hồi hầu hết là các doanh nghiệp nước ngoài (chiếm tỷ trọng 81,35%), tiếp theo là doanh nghiệp trong nước (chiếm tỷ trọng 9,52%) và doanh nghiệp liên doanh (9,13%). So với cơ cấu loại hình doanh nghiệp trong khu thì doanh nghiệp liên doanh chiếm tỷ trọng khảo sát lớn nhất lên đến 29,49%, thấp nhất là doanh nghiệp trong nước với 5,25% và doanh nghiệp nước ngoài chiếm 17,6%.

Phân theo lĩnh vực hoạt động, chủ yếu các doanh nghiệp khảo sát hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng (chiếm tỷ trọng 86,51% tổng số doanh nghiệp khảo sát), lĩnh vực dịch vụ và thương mại ít hơn với 12,3%; lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp chiếm tỷ trọng 1,19%). Tuy nhiên nếu phân theo số lượng doanh nghiệp hoạt động trong khu thì tỷ trọng doanh nghiệp trả lời khảo sát trong lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp là 60%; lĩnh vực dịch vụ, thương mại là 20,13% và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng là 14,15%.

Như vậy, tương ứng về các đặc điểm loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực hoạt động, hay phân theo số lượng doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, số lượng doanh nghiệp trả lời phiếu khảo sát về cơ bản đáp ứng yêu cầu, có thể được chấp nhận mang tính đại diện để phân tích các nội dung tiếp theo.

5.2. Phân tích nhân tố

Để xác định các nhân tố đưa vào mô hình, bước phân tích nhân tố này sẽ bao gồm 3 bước: (1) kiểm tra độ tin cậy của nhân tố Cronbach's Alpha; (2) phân tích nhân tố khám phá EFA; (3) Xác nhận nhân tố trong mô hình. Kết quả các bước cụ thể như sau:

5.2.1. Kiểm tra độ tin cậy của yếu tố (Cronbach's Alpha)

Dữ liệu các biến thành phần đều có hệ số Cronbach's alpha > 0,6 cũng như chỉ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 nên các hệ số này đều đạt mức độ tin cậy và được chấp nhận để tiến hành bước phân tích nhân tố khám phá EFA tiếp theo.

5.2.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Sau 21 lần xoay nhân tố còn lại 6 biến lớn được hình thành. Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) có giá trị là: 0,868 > 0,5 nên phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu thực tế. kết quả phân tích EFA cho các biến độc lập của ma trận xoay nhân tố trên cho thấy, hệ số tải nhân tố của các biến quan sát đều thỏa mãn điều kiện khi phân tích nhân tố với hệ số Factor loading $\geq 0,55$ và số nhân tố tạo ra khi phân tích nhân tố là 6, với 20 biến quan sát thành phần.

5.2.3. Xác nhận các yếu tố và điều chỉnh các giả thuyết

Thông qua các bước xoay nhân tố, số biến giữ lại trong mô hình còn lại là 6 bao gồm các yếu tố thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.1: Các yếu tố giữ lại trong mô hình

Nhân tố 1	Nhân tố 2	Nhân tố 3	Nhân tố 4	Nhân tố 5	Nhân tố 6
Sức ép từ định hướng TTX	Sức ép người lao động	Sức ép từ cổ đông	Sức ép từ tổ chức tín dụng	Sức ép từ đối thủ cạnh tranh	Sức ép từ người mua
C1.1. Lãnh đạo đơn vị hướng dẫn triển khai TTX	C2.1. Lao động gây sức ép phải triển khai hoạt động TTX	C9.1 Thu hút đầu tư trên cơ sở triển khai hoạt động TTX	C8.1. Tiêu chuẩn cho vay	C7.1. Tăng cường cải tiến, hướng tới năng suất	C6.1. Trả giá cao hơn với sản phẩm gần gũi môi trường, an toàn sức khỏe
C1.3. Lãnh đạo đơn vị giám sát việc thực hiện TTX	C2.2. Lao động đòi hỏi áp dụng hoạt động TTX thông qua kênh công đoàn	C9.2 Xây dựng chiến lược TTX	C8.3. Hỗ trợ gói vay ưu đãi trên cơ sở triển khai hoạt động TTX	C7.2. Sản xuất sản phẩm gần gũi môi trường	C6.2. Trả giá cao hơn với sản phẩm gần gũi môi trường, đảm bảo chất lượng
C3.1. Sức ép từ mục tiêu lợi nhuận	C2.3. Lao động tổ chức đào tạo, thực hành kiến thức TTX	C9.3. Gây sức ép triển khai hoạt động TTX	C8.4. Gói tài trợ dựa trên triển khai hoạt động TTX		
C3.2. Thể hiện trách nhiệm xã hội	C2.4. Lao động đòi hỏi đào tạo về kỹ năng TTX				
C3.3. Xây dựng và quảng bá thương hiệu trên cơ sở TTX					
C10.2. BQL xây dựng tiêu chuẩn riêng liên quan đến TTX					

5.3. Mô hình các yếu tố tác động tới triển khai hoạt động tăng trưởng xanh tại doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai

Mô hình hồi quy đề xuất như sau:

$$\text{DIEM TTX} = \beta + \beta_1 * \text{DHTTX} + \beta_2 * \text{LD} + \beta_3 * \text{CD} + \beta_4 * \text{TD} + \beta_5 * \text{CT} + \beta_6 * \text{NM} + \beta_7 * \text{QMV} + \beta_8 * \text{LV} + \beta_9 * \text{HN} + \varepsilon$$

DIEM TTX (điểm triển khai hoạt động TTX): biến phụ thuộc, được tính bằng tổng điểm triển khai các hoạt động TTX của các doanh nghiệp trong KCN tỉnh Đồng Nai.

β : hằng số hồi quy; β_i : các hệ số hồi quy; $i: 1 \rightarrow 9$;

Các biến độc lập:

LĐMT: sức ép từ phía lãnh đạo và mục tiêu của doanh nghiệp; LD: sức ép từ phía lao động

CD: sức ép từ phía cổ đông; TD: sức ép từ phía các tổ chức tín dụng; CT: sức ép từ phía các đối thủ cạnh tranh; NM: sức ép từ phía người mua; QMV: suy mô vốn của doanh nghiệp; LV: lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp; HNQT: mức độ hội nhập quốc tế; ε : sai số

Sau khi xử lý dữ liệu, thông qua chạy phần mềm Stata 15, kết quả của mô hình hồi quy khi đưa lần lượt các biến kiểm soát vào mô hình được thể hiện qua 4 mô hình như sau:

Bảng 5.2: Kết quả chạy mô hình hồi quy các mô hình

Biến	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4
LĐMT (FT1)	4.422 (0.000)	5.023 (0.000)	4.483 (0.000)	4.381 (0.000)
LĐ (FT2)	1.547 (0.000)	1.520 (0.108)	1.441 (0.124)	2.028 (0.048)
CĐ (FT3)	2.251 (0.030)	2.206 (0.031)	2.639 (0.011)	3.762 (0.002)
TD (FT4)	4.740 (0.000)	4.508 (0.000)	3.917 (0.000)	4.327 (0.001)
CT (FT5)	-0.490 (0.509)	-0.639 (0.386)	-0.472 (0.520)	-0.911 (0.264)
NM (FT6)	0.693 (0.448)	0.534 (0.556)	0.860 (0.344)	-0.249 (0.807)
Quy mô vốn (FT7)		3.585 (0.014)	3.345 (0.021)	4.059 (0.015)
Lĩnh vực (FT8)			4.877 (0.019)	7.288 (0.008)
Mức độ hội nhập quốc tế (FT9)				0.053 (0.037)
_cons	-2.217	-4.206	-7.234	-13.014
	0.508	0.218	0.046	0.003
r ²	0.421	0.435	0.447	0.497
r ² hiệu chỉnh	0.407	0.419	0.429	0.474

Theo đó, với mức ý nghĩa 95%, ở cả 4 mô hình, 2 biến CT và NM bị loại vì có giá trị sig của kiểm định đều lớn 0,05. Ở mô hình 2 và 3, biến LĐ có giá trị sig >0,05, tuy nhiên ở mô hình thứ 4, khi đưa 3 biến QMV, LV, HNQT vào thì giá trị sig của LĐ là 0,048 < 0,05 nên giữ lại mô hình hồi quy.

Ngoài ra, với mô hình thứ 4, r² hiệu chỉnh là 47,4%, lớn nhất so với các mô hình khác, nên mô hình này tốt hơn so với 3 mô hình còn lại. Qua đó, tác giả lựa chọn mô hình 4, với 7 biến được đưa vào mô hình: (1) LĐMT (hệ số sig 0.000), (2) LĐ (hệ số sig 0.048); (3) CĐ (hệ số sig 0.002); (4) TD (hệ số sig 0.001); (5) QMV (hệ số sig 0,015); (6) LV (hệ số sig 0.008) và (7) HNQT (hệ số sig 0.008). Các biến này giải thích được 47,4% sự biến thiên của biến phụ thuộc (điểm triển khai hoạt động TTX của doanh nghiệp). Mặc dù r² hiệu chỉnh nhỏ hơn 0,5, tuy nhiên, nghiên cứu này dựa trên cảm nhận đánh giá mức độ tác động của các bên hữu quan của doanh nghiệp và một số biến số khác khó đo lường (ví dụ: đặc thù công nghệ của doanh nghiệp; mức đầu tư cho R&D ...) nên kết quả mô hình 4 là có thể chấp nhận được.

Như vậy, mô hình chính thức sau khi chạy phân tích hồi quy như sau:

$$\text{DIEM TTX} = -13,01 + 4,381 * \text{ĐHTTX} + 2,028 * \text{LĐ} + 3,761 * \text{CĐ} + 4,326 * \text{TD} + 4,059 * \text{QMV} + 7,287 * \text{LV} + 0,052 * \text{HNQT} + \varepsilon$$

5.4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu này đã chỉ ra 7 yếu tố tác động tới hoạt động TTX của doanh nghiệp. Có các yếu tố thuộc về bên trong, như sức ép của lãnh đạo, của người lao động và yếu tố thuộc bên ngoài như sức ép của cổ đông, tổ chức tín dụng. Ngoài ra, các yếu tố thuộc về đặc thù của doanh nghiệp như quy mô vốn, lĩnh vực hoạt động và mức độ hội nhập quốc tế. Các giả thuyết đã bị bác bỏ như yếu tố về thuộc người mua, đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp, hay sức ép của Chính phủ chưa thể hiện mối liên hệ với hoạt động TTX trong nghiên cứu này. Vấn đề này có thể được giải thích bởi đặc thù khu công nghiệp, thu hút các doanh nghiệp theo đúng lĩnh vực và mục tiêu của Ban Quản lý, do vậy những văn bản, hướng dẫn của Chính phủ sẽ được phổ biến thông qua hướng dẫn cụ thể của Ban Quản lý. Bên cạnh đó, doanh nghiệp trong khu công nghiệp hầu hết là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, do vậy yếu tố mức độ hội nhập quốc tế cũng đã đại diện và tác động tới các yếu tố thuộc về nhà cung cấp.

Ngoài ra, tại Việt Nam, mức sống chưa thật sự cao, do vậy xu hướng hành vi tiêu dùng chưa có sự phân biệt giữa các sản phẩm thân thiện với môi trường và các sản phẩm thông thường khác. Do vậy, xu hướng người tiêu dùng vẫn lựa chọn, mua sắm hàng hóa dựa trên giá cả. Tương tự như vậy, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp khá biệt lập với bên ngoài, chủ yếu nằm trong chuỗi doanh nghiệp nước ngoài, ít bị cạnh tranh bởi các doanh nghiệp trong nước. Chính vì lý do này dẫn đến việc 2 yếu tố là sức ép từ phía khách hàng và đối thủ cạnh tranh chưa đủ mạnh để buộc các doanh nghiệp hướng đến các hoạt động TTX.

5.5. Nguyên nhân dẫn đến những kết quả đạt được và hạn chế về triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2010-2018

5.5.1. Nguyên nhân dẫn đến những kết quả đạt được

Thứ nhất, việc phát huy vai trò quản lý của Ban Quản lý khu công nghiệp thông qua việc phổ biến các quy định của Chính phủ hay địa phương liên quan đến môi trường.

Bên cạnh đó, kể từ khi ban hành Chiến lược tăng trưởng xanh, Chính phủ đã cụ thể hoá bằng nhiều chủ trương, chính sách khác nhau. Bên cạnh các nội dung được quy định cụ thể trong các Luật, Nghị định thì Chính phủ cũng đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển hướng theo sản xuất xanh hơn, sạch hơn.

Thứ hai, nhận thức của doanh nghiệp về vấn đề môi trường ngày càng được gia tăng. Tăng trưởng xanh, không đơn thuần chỉ là vấn đề môi trường mà nó còn là việc sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu vào, kết hợp với cải tiến theo hướng thân thiện với môi trường, để từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Thứ ba, với đặc thù các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Nhiều doanh nghiệp lớn, nổi tiếng từ các nước phát triển, có quy trình sản xuất tuân thủ các điều kiện khắt khe về môi trường, do vậy các doanh nghiệp trong khu cũng sẽ phải tuân thủ các quy định môi trường này.

Thứ tư, các quỹ tài chính nói chung, cũng như ở phương diện vĩ mô tổng thể nền kinh tế đưa ra những chính sách, gói tài chính hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp phát triển theo hướng xanh hơn.

5.5.2 Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế

Thứ nhất, theo cách tiếp cận của kinh tế học truyền thống, mục tiêu của doanh nghiệp đó là tối đa hoá lợi nhuận. Chính bởi vì vấn đề lợi nhuận nên doanh nghiệp tăng cường sản xuất. Đây cũng chính là hạn chế, bởi cách tiếp cận theo truyền thống, điều này không sai, tuy nhiên chính vì mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận đã dẫn đến những biến tướng trên thực tế xã hội nói chung và xảy ra tại các doanh nghiệp KCN Đồng Nai nói riêng.

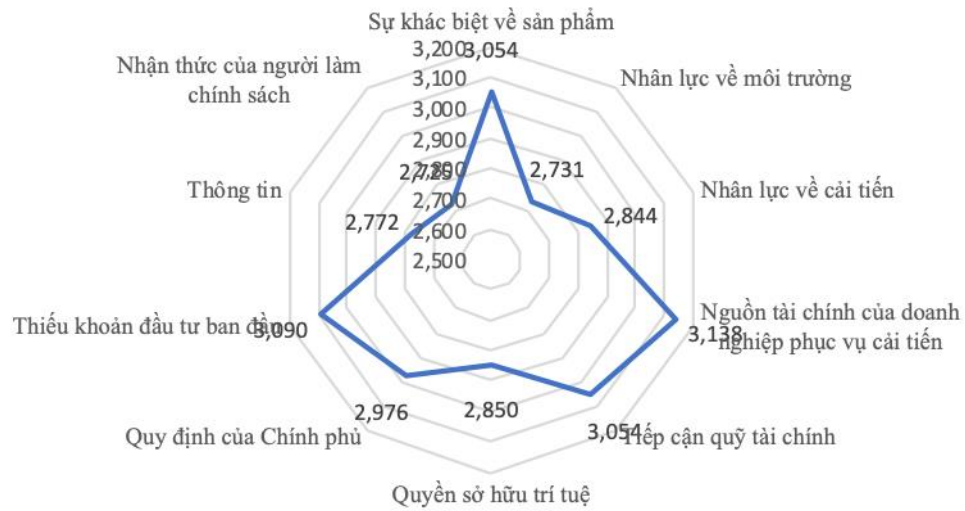
Thứ hai, thể chế của ta vẫn còn nhiều kẽ hở để các doanh nghiệp có thể tận dụng để thực hiện những hành vi về ngoại tác hay vấn đề liên quan đến rủi ro đạo đức.

Thứ ba, tăng trưởng xanh thật sự cần có sự ủng hộ và thực hiện bởi các đối tượng hữu quan, chứ không chỉ riêng doanh nghiệp. Theo khảo sát, những yếu tố về người tiêu dùng dường như không tác động đến hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp. Điều này cho thấy, dường như xu hướng hành vi tiêu dùng của người mua vẫn còn đưa tiêu chí giá lên hàng đầu, do vậy, từ góc độ doanh nghiệp, họ không quan tâm đến việc sản xuất ra những sản phẩm tiêu dùng gần gũi với môi trường.

Thứ tư, bên cạnh những yếu tố về các bên hữu quan, bản thân doanh nghiệp cũng là một chủ thể bị chi phối rất nhiều bởi các yếu tố nội tại. Khi được khảo sát những khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải khi triển khai các hoạt động TTX đó là: nguồn tài chính, công nghệ, nhân lực, hay sự khác biệt về sản phẩm.

Kết quả khảo sát của tác giả về những khó khăn khi triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai thể hiện rất rõ những nhận định trên.

Hình 5.2. Những khó khăn khi triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong KCN Đồng Nai



Nguồn: Xử lý từ dữ liệu khảo sát của tác giả.

CHƯƠNG 6: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH CHO CÁC DOANH NGHIỆP TẠI KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI

6.1. Quan điểm, định hướng và mục tiêu thúc đẩy triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai

6.1.1. Quan điểm

Thứ nhất, tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, trong đó doanh nghiệp là một bộ phận không thể tách rời.

Thứ hai, triển khai tăng trưởng xanh ở góc độ doanh nghiệp chịu tác động bởi các bên hữu quan, không chỉ phía sức ép từ phía Chính phủ, người tiêu dùng, mà nhiều các đơn vị, tổ chức các cấp.

Thứ ba, vai trò của nhận thức tăng trưởng xanh tại doanh nghiệp vô cùng quan trọng, nó là cơ sở để triển khai các hoạt động TTX.

Thứ tư, hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp xuất phát từ việc phân tích hệ thống, quá trình sản xuất. Nó là sự kết hợp giữa sản xuất bền vững và cải tiến sinh thái. Những hoạt động này sẽ làm giảm thiểu tác động tiêu cực của sản xuất tới môi trường.

6.1.2. Định hướng

Thứ nhất, cần phải xác định triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp là một trọng tâm, xuyên suốt để có thể hỗ trợ thực hiện thành công chiến lược tăng trưởng xanh ở tầm vĩ mô.

Thứ hai, cần tạo sức ép đủ lớn từ phía các bên hữu quan nhằm buộc doanh nghiệp phải thay đổi hành vi sản xuất của mình. Không chỉ Chính phủ với việc tạo ra động lực, hoặc chế tài mà các bên liên quan từ phía khách hàng, nhà cung cấp, đối tác, quỹ tài chính cũng cần can thiệp, giám sát hoạt động của doanh nghiệp thông qua nhiều phương thức khác nhau.

Thứ ba, đây là hoạt động lâu dài, không thể trong thời gian ngắn có thể thay đổi ngay lập tức hành vi của người sản xuất. Tuy nhiên, triển khai hoạt động TTX có thể được thực hiện từng phần, trên cơ sở sự đóng góp của lao động thông qua các hoạt động phân tích, cải tiến theo hướng xanh, sạch hơn.

Thứ tư, theo từng cụm, khu công nghiệp cần có sự phân bổ và quy hoạch phù hợp theo định hướng thúc đẩy chuỗi các doanh nghiệp theo mô hình khu công nghiệp sinh thái. Những doanh nghiệp có thể cộng sinh với nhau, chất thải của doanh nghiệp này có thể là đầu vào của doanh nghiệp khác, theo chuỗi tuần hoàn như vậy sẽ giảm thiểu được những tiêu cực tới môi trường.

Thứ năm, hạn chế các ngành công nghiệp, doanh nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu, tác động tiêu cực tới môi trường.

Thứ sáu, song hành với khu công nghiệp cần xây dựng trung tâm tài chính xanh đủ mạnh nhằm khuyến khích đổi mới công nghệ, tăng cường các hoạt động cải tiến gắn liền với bảo vệ môi trường.

6.1.3 Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh ở các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai ở mức độ rộng hơn, đi vào chiều sâu gắn liền với cải tiến sản xuất theo hướng xanh, sạch hơn, một mặt tăng cường năng suất, mặt khác giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường.

Mục tiêu cụ thể

Thứ nhất, phấn đấu đến năm 2025, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đều xây dựng chiến lược tăng trưởng của mình có lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững, gắn với bảo vệ môi trường.

Thứ hai, 100% các doanh nghiệp đều tiến hành phân tích và cải tiến theo hướng sản xuất sạch hơn. Các hoạt động tăng trưởng xanh được áp dụng ở quy mô rộng với sự tham gia của các 100% doanh nghiệp về các hoạt động: từ mức thấp (như đề ra mức cải thiện tiêu thụ điện, nước, có các biện pháp nhằm cải tiến sinh thái, gắn liền với bảo vệ môi trường..) cho tới phạm vi rộng hơn (như sản xuất ra các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường và các hoạt động marketing xanh...)

Thứ ba, xây dựng thành công mô hình khu công nghiệp sinh thái kiểu mẫu, tập trung các doanh nghiệp có mối quan hệ cộng sinh, gắn kết chặt chẽ với nhau theo chuỗi sinh thái.

Thứ tư, các doanh nghiệp đều có các cán bộ hỗ trợ cán bộ phụ trách về môi trường, hình thành nên các bộ phận cải tiến sinh thái, gắn kết chặt chẽ giữa cải tiến với môi trường.

Thứ năm, nâng cao giá trị sản phẩm ngành công nghệ cao, công nghệ xanh chiếm trên 50% trong GDP, tỷ lệ đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ, bảo vệ môi trường và làm giàu vốn tự nhiên đạt 3-4% GDP của cả tỉnh (trích số 218/KH-UBND ngày 9 tháng 01 năm 2013 của tỉnh Đồng Nai về kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2050 của tỉnh Đồng Nai)

Thứ sáu, tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực sản phẩm nhằm mục tiêu sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị đảm bảo nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên, tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm.

6.2. Giải pháp thúc đẩy hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai

Trên cơ sở phân tích nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và định hướng mục tiêu, luận án đề xuất 5 nhóm giải pháp thúc đẩy TTX ở góc độ doanh nghiệp trong KCN Đồng Nai nói riêng, cũng như các doanh nghiệp nói chung như sau:

6.2.1. Nhóm giải pháp về thay đổi nhận thức của doanh nghiệp về tăng trưởng

6.2.2. Nhóm giải pháp tăng cường hiệu quả, khắc phục hạn chế trong quản lý nhà nước về môi trường

6.2.3. Nhóm giải pháp tăng cường nhận thức và tạo sức ép của các bên hữu quan đối với việc triển khai các hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp

6.2.4. Nhóm giải pháp hỗ trợ các hạn chế về tài chính, công nghệ hay nhân lực cho doanh nghiệp hướng phục vụ tăng trưởng xanh

6.2.5. Nhóm giải pháp liên quan đến hình thành các khu công nghiệp sinh thái

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu, những kết quả và hạn chế trong nghiên cứu như sau:

Những kết quả đạt được:

Thứ nhất, trên cơ sở kết hợp giữa sản xuất bền vững và cải tiến sinh thái, nghiên cứu này đã tổng hợp cơ sở lý thuyết liên quan đến hoạt động tăng trưởng xanh tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp.

Thứ hai, trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trong nước và quốc tế, tác giả phân loại các hoạt động TTX theo 8 nhóm (trong đó riêng xanh hóa sản xuất được chia thành 3 nhóm hoạt động nhỏ).

Thứ ba, việc chuyển hướng theo tăng trưởng xanh của doanh nghiệp một phần xuất phát từ nhận thức vai trò của TTX. Trong đó về mặt lý thuyết, TTX sẽ thể hiện vai trò của mình trên 3 góc độ: (1) môi trường; (2) xã hội và (3) kinh tế.

Thứ tư, bên cạnh nhận thức về TTX thì cũng cần có sức ép từ phía các đối tượng liên quan khác mới có thể buộc doanh nghiệp chuyển hướng hành vi theo hướng xanh hơn. Có rất nhiều lý thuyết dùng để giải thích cho hiện tượng này: lý thuyết kinh tế học, lý thuyết các bên hữu quan; lý thuyết về thể chế... Theo tác giả, các yếu tố tác động đến việc chuyển hướng hành vi của doanh nghiệp bao gồm: (1) các yếu tố bên trong doanh nghiệp và (2) các yếu tố bên ngoài; (3) các yếu tố thuộc đặc thù doanh nghiệp.

Thứ năm, để triển khai thành công TTX cần có sự hỗ trợ về mặt chính sách, chủ trương của Chính phủ. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng cần nhận thức rõ về vai trò của TTX với nòng cốt là những sáng kiến về cải tiến môi trường. Ngoài ra còn có sức ép từ phía các bên liên quan.

Thứ sáu, tại các KCN tỉnh Đồng Nai, doanh nghiệp thường triển khai những hoạt động TTX tương đối đơn giản, phạm vi lan tỏa thấp.

Thứ bảy, để lý giải nguyên nhân dẫn đến thực trạng về mức độ triển khai hoạt động TTX tác giả đã sử dụng mô hình phân tích định lượng từ dữ liệu thu thập của 252 bảng khảo sát. Kết quả mô hình định lượng kết hợp với phân tích từ thực trạng đã chỉ ra nguyên nhân dẫn đến đánh giá về thực trạng triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp trong KCN tỉnh Đồng Nai.

Thứ tám, tác giả đã đề xuất các định hướng, mục tiêu và hệ thống 5 nhóm giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp trong KCN Đồng Nai.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tuy nhiên kết quả nghiên cứu không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Theo tác giả những hạn chế này được thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, do khó khăn về mặt số liệu, đặc biệt là các số liệu định lượng để phản ánh mức độ triển khai các hoạt động TTX của doanh nghiệp trên địa bàn KCN nên hệ thống chỉ tiêu đánh giá hoạt động tăng trưởng xanh của tác giả đề xuất mặc dù được tổng hợp từ nhiều tổ chức khác nhau nhưng đây là chỉ tiêu định tính, chưa thể hiện rõ được mức độ đầu tư, cũng như chất lượng các hoạt động. Nếu có thể tiếp cận được những dữ liệu thứ cấp, do đơn vị có uy tín cung cấp thì mức độ thuyết phục sẽ cao hơn khi bao gồm cả chỉ tiêu định tính và định lượng.

Thứ hai, điểm TTX của doanh nghiệp được tác giả đề xuất căn cứ vào tổng mức độ triển khai các hoạt động. Việc chia trọng số đều cho các hoạt động sẽ còn nhiều khiếm khuyết bởi vì sẽ có nhiều hoạt động có trọng số phải cao hơn các hoạt động khác. Nguyên nhân này xuất phát từ việc tác giả không có đủ thời gian để khảo sát thêm các đối tượng có liên quan về tầm quan trọng của các tiêu chí. Nếu có thêm thời gian, tác giả dự kiến sẽ khảo sát thêm các đối tượng (1) người dân; (2) cơ quan quản lý. Kết hợp với đánh giá tầm quan trọng của doanh nghiệp thì việc phân chia trọng số từ 3 đối tượng này sẽ mang tính thuyết phục cao hơn.

Thứ ba, việc khảo sát các doanh nghiệp là vô cùng khó khăn, chính vì vậy mặc dù đã kết hợp với Ban Quản lý khu công nghiệp nhưng số lượng phiếu khảo sát thu về còn hạn chế, chưa được như kỳ vọng. Nếu số lượng phiếu thu thập được nhiều hơn thì tính thuyết phục trong phân tích định lượng sẽ cao hơn, từ đó tác giả có thể phân tích những nguyên nhân chính dẫn đến hoạt động TTX của doanh nghiệp thuyết phục hơn.

CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Stt	Tên bài báo	Tạp chí/ số hiệu XB	Năm xuất bản
A. Tạp chí quốc tế			
1	The Role of Investment Attraction in Vietnamese Industrial Parks and Economic Zones in the Process of International Economic Integration	The Journal of Asian Finance, Economics and Business, 2288-4637	27/05/2017
2	Technology Management and Challenges of Vietnamese Enterprises in the International Market	The Journal of Asian Finance, Economics and Business, 2288-4637	20/2/2018
B. Tạp chí trong nước			
3	Đổi mới nhận thức và tư duy về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, 1859-0128	Q2-2014
4	Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam	Tạp chí kinh tế và dự báo 0866-7120	04/2016
5	Tăng trưởng xanh tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp - Bài học kinh nghiệm và đề xuất đối với doanh nghiệp Việt Nam	Tạp chí thông tin và dự báo kinh tế - xã hội,	01/08/2017
6	Các yếu tố tác động đến hiệu quả thu hút vốn đầu tư vào các khu kinh tế ven biển Miền Trung	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 1859-0012	3/2017
7	Những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển mô hình các khu kinh tế tại Việt Nam	Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ, 1859-0128	Q1/2017
8	Thực tiễn chính sách phát huy vai trò của doanh nghiệp ở một số địa phương hiện nay	Tạp chí kinh tế và dự báo 0866-7120	01/07/2018
9	Triển khai hoạt động tăng trưởng xanh của doanh nghiệp tại các khu công nghiệp – Đánh giá trường hợp các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 1859-7120	17/11/2020